

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)
(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



MCCB (APTOMAT) loại 2 Pha				MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	560,000	ABN54c	15-20-30-40-50A	18	940,000
ABN62c	60A	30	660,000	ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,110,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	745,000	ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	2,080,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	1,380,000	ABN404c	250-300-350-400A	42	5,100,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	3,360,000	ABN804c	500-630	45	9,900,000
ABS32c	10A	25	585,000	ABN804c	700-800A	45	11,700,000
ABS102c	50-75-100-125A	85	1,060,000	ABS104c	30,40,50,60,75,100,125A	42	1,500,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	1,590,000	ABS204c	150,175,200,225,250A	42	2,500,000
BS32c (ko vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	76,000	ABS404c	250-300-350-400A	65	5,750,000
BS32c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	88,000	ABS804c	500-630A	75	13,300,000
MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha				ABS804c	800A	75	15,200,000
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	650,000	ABS1004b	1000A	65	26,500,000
ABN63c	60A	18	755,000	ABS1204b	1200A	65	28,500,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	860,000	TS1000N 4P	1000A	50	47,000,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	1,640,000	TS1250N 4P	1250A	50	50,000,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	4,100,000	TS1600N 4P	1600A	50	56,000,000
ABN803c	500-630A	45	8,300,000	ELCB (chống rò điện) loại 2 pha			
ABN803c	700-800A	45	9,350,000	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABS33c	5A-10A	14	680,000	32GRc	15-20-30A	1.5	260,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	770,000	32GRhd	15-20-30A	2.5	235,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,265,000	32KGRd	15-20-30A	2.5	260,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	2,070,000	EBS52Fb	40-50A	2.5	460,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	4,560,000	EBE102Fb	60-75-100A	5	820,000
ABS803c	500-630A	75	10,600,000	EBN52c	30-40-50A	30	1,120,000
ABS803c	700-800A	75	12,000,000	EBN102c	60-75-100A	35	1,500,000
ABS1003b	1000A	65	22,500,000	EBN202c	125,150,175,200,225,250A	65	3,300,000
ABS1203b	1200A	65	24,800,000	ELCB (chống rò điện) loại 3 pha			
TS1000N 3P	1000A	50	45,000,000	EBN53c	15,20,30,40,50A	14	1,500,000
TS1250N 3P	1250A	50	46,000,000	EBN103c	60,75,100A	18	1,750,000
TS1600N 3P	1600A	50	51,000,000	EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	3,800,000
TS1000H 3P	1000A	70	46,000,000	EBN403c	250-300-350-400A	37	7,370,000
TS1250H 3P	1250A	70	47,000,000	EBN803c	500,630A	37	13,000,000
TS1600H 3P	1600A	70	52,000,000	EBN803c	800A	37	15,800,000
MCCB (Áptomat) 3 Pha loại Chính dòng (0.8~1) x In max				ELCB (chống rò điện) loại 4 cực			
ABE 103G	63-80-100A	16	1,620,000	EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	2,660,000
ABS 103G	80-100A	25	1,995,000	EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	3,000,000
ABE 203G	125-160-200-250A	16	1,785,000	EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	5,650,000
ABS 203G	125-160-200-250A	25	2,220,000	EBN404c	250,300,350,400A	37	10,500,000
PHỤ KIỆN MCCB				PHỤ KIỆN MCCB			
Shunt Trip (SHT) (Cuộn đóng ngắt)	ABN/S50~250AF	720,000		Handle (tay xoay gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	430,000	
	ABN/S400~800AF	850,000			DH125-S for ABS125c	450,000	
	ABS1003b~1204b	2,100,000			DH250-S for ABH250c	460,000	
	TS1000~1600	1,060,000			N~70S for ABN403c	860,000	
Under Vol. Trip (UVT) (Cuộn bảo vệ thấp áp)	ABN/S50~250AF	900,000		Extended Handle (tay xoay gắn ngoài)	N~80S for ABN803c	880,000	
	ABN/S400~800AF	970,000			EH100-S for ABN100c	630,000	
	ABS1003b~1204b	2,260,000			EH125-S for ABS125c	640,000	
Auxiliary switch (AX) (Tiếp điểm phụ)	ABN/S50~250AF	280,000			EH250-S for ABN250c	660,000	
	ABN/S400~800AF	420,000			E-70U-S for ABN403c	1,400,000	
	ABS1003b~1204b	1,350,000			E-80U-S for ABN803c	1,600,000	
Alarm switch (AL) (Tiếp điểm cảnh báo)	ABN/S50~250AF	280,000		Mechanical interlock (Khóa liên động)	MI-43S for ABN/S403c	900,000	
	ABN/S400~800AF	420,000			MI-83S for ABN/S803c	1,000,000	
	ABS1003b~1204b	1,350,000		Tâm chắn pha: IB-13 for ABN52~103c		9,000	
AL/AX	ABN/S50~250AF	600,000		Tâm chắn pha: IB-23 for ABS103c~ABN/S203c		18,000	
Busbar ABN/S803c	500~800A	750,000		Tâm chắn pha: B-43B for ABN/S403c		32,000	

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)
(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



MCB (CB kép)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
BKN -1P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	67,000
BKN -1P	50-63A	6KA	70,000
BKN -2P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	146,000
BKN -2P	50-63A	6KA	149,000
BKN -3P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	232,000
BKN -3P	50-63A	6KA	237,000
BKN -4P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	380,000
BKN -4P	50-63A	6KA	420,000
BKN-b 1P	6~40A	10KA	99,000
BKN-b 1P	50~63A	10KA	119,000
BKN-b 2P	6~40A	10KA	215,000
BKN-b 2P	50~63A	10KA	253,000
BKN-b 3P	6~40A	10KA	340,000
BKN-b 3P	50~63A	10KA	440,000
BKN-b 4P	6~40A	10KA	545,000
BKN-b 4P	50~63A	10KA	635,000
BKH 1P	80-100A	10KA	191,000
BKH 1P	125A	10KA	330,000
BKH 2P	80-100A	10KA	419,000
BKH 2P	125A	10KA	467,000
BKH 3P	80-100A	10KA	668,000
BKH 3P	125A	10KA	737,000
BKH 4P	80-100A	10KA	864,000
BKH 4P	125A	10KA	1,050,000

Surge Protective Device (Thiết bị chống sét) - 1,2,3,4 Pole			
Tên hàng	Voltage protection	Icu(KA)	Giá bán
BKS-A 1P	AC220V, <1.2KV	10KA	660,000
BKS-A 2P	AC220V, <1.2KV	10KA	1,310,000
BKS-A 3P	AC220V, <1.2KV	10KA	1,970,000
BKS-A 4P	AC220V, <1.2KV	10KA	2,620,000
BKS-B 1P	AC220V, <1.5KV	20KA	710,000
BKS-B 2P	AC220V, <1.5KV	20KA	1,430,000
BKS-B 3P	AC220V, <1.5KV	20KA	2,130,000
BKS-B 4P	AC220V, <1.5KV	20KA	2,840,000
BKS-C 1P	AC220V, <1.5KV	40KA	870,000
BKS-C 2P	AC220V, <1.5KV	40KA	1,750,000
BKS-C 3P	AC220V, <1.5KV	40KA	2,620,000
BKS-C 4P	AC220V, <1.5KV	40KA	3,500,000
BKS-D 1P	AC380V, <2.0KV	60KA	1,090,000
BKS-D 2P	AC380V, <2.0KV	60KA	2,180,000
BKS-D 3P	AC380V, <2.0KV	60KA	3,270,000
BKS-D 4P	AC380V, <2.0KV	60KA	4,370,000
BKS-E 1P	AC380V, <2.5KV	70KA	1,250,000
BKS-E 2P	AC380V, <2.5KV	70KA	2,520,000
BKS-E 3P	AC380V, <2.5KV	70KA	3,770,000
BKS-E 4P	AC380V, <2.5KV	70KA	5,020,000

RCCB (chống rò điện)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
RKP 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	4.5	330,000
RKS 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	685,000
RKN 1P+N	25-32-40A		540,000
RKN 1P+N	63A		550,000
RKN 3P+N	25-32-40A		670,000
RKN 3P+N	63A		750,000
RKN-b 1P+N	40A		640,000
RKN-b 1P+N	63A		690,000
RKN-b 1P+N	80~100A		790,000
RKN-b 3P+N	40A		900,000
RKN-b 3P+N	63A		999,000
RKN-b 3P+N	80~100A		1,190,000
SWITCH DISCONNECTOR			
Tên hàng	In (A)		Giá bán
BKD 1P	40,50,63,80,100A		66,000
BKD 2P	40,50,63,80,100A		135,000
BKD 3P	40,50,63,80,100A		215,000
BKD 4P	40,50,63,80,100A		305,000
PHỤ KIỆN MCB			
Auxiliary switch: AX for BKN			150,000
Alarm switch: AL for BKN			150,000
Auxiliary switch: AX for BKN-b			175,000
Alarm switch: AL for BKN-b			175,000
Shunt for BKN			185,000
OVT/UVT for BKN			310,000
Surge Protective Device - Single phase 2W+G (SPL)			
Tên hàng	Voltage protection	Icu(KA)	Giá bán
SPL-110S	AC110V/220V, < 1.5KV	20KA	2,460,000
SPL-220S	AC220V, < 1.5KV	40KA	4,910,000
SPL-220S	AC220V, < 1.5KV	80KA	6,560,000
Surge Protective Device - Three phase 3W+G (SPT) AC 380V			
SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	40KA	7,110,000
SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	80KA	8,740,000
SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	120KA	12,020,000
SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	160KA	14,750,000
Surge Protective Device - Three phase 3W+G (SPT) AC 440V			
SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	40KA	7,110,000
SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	80KA	8,740,000
SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	120KA	12,020,000
SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	160KA	14,750,000
Surge Protective Device - Three phase 4W+G (SPY)			
SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	40KA	6,560,000
SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	80KA	8,740,000
SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	120KA	12,020,000
SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	160KA	14,750,000
SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	200KA	14,750,000
SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	240KA	14,750,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



KHỎI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil			RƠ LÊ NHIỆT		
Tên hàng	In (A)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	235,000	MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	235,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	255,000	MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	265,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	265,000	MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	280,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	415,000	MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	615,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	265,000	MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	870,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	297,000	MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	1,300,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	435,000	MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	2,365,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	530,000	MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	3,425,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	775,000	MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	6,360,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	915,000	RƠ LÊ ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	1,090,000	GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	630,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	1,250,000	GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	910,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	1,420,000	GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	660,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	1,730,000	GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	930,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	2,250,000	(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;		
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	2,700,000	(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;		
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	3,460,000	(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a		
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	4,550,000	(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a		
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	5,250,000	(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a		
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	7,100,000	(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a		
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	7,750,000	(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a		
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	8,900,000	(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a		
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	17,500,000	* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a		
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	18,500,000			
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	23,500,000			

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	335,000
AC-50	MC-50a~100a	415,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	72,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	72,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	125,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	180,000

KHÓA LIÊN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	160,000
AR-180	MC-185a~400a	640,000
AR-600	MC-500a~800a	9,500,000

CONTACTOR RELAYS		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	360,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	430,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	500,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	395,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	465,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	540,000

CUỘN HÚT KHỎI ĐỘNG TỪ		
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b		132,000
Coil for MC32a, 40a		132,000
Coil for MC-50a, 65a		190,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a		225,000
Coil for MC-130a, 150a		1,080,000
Coil for MC-185a, 225a		1,380,000
Coil for MC-330a, 400a		2,530,000
Coil for MC-630a, 800a		3,400,000

DÂY ĐẦU NỐI LIÊN ĐỘNG (WIRE ASS'Y for UR-2)		
UW-18 dùng cho MC-6a~18a		192,000
UW-22 dùng cho MC-9b~22b		192,000
UW-32 dùng cho MC-32a & 40a		212,000
UW-63 dùng cho MC-50a & 65a		245,000
UW-95 dùng cho MC-75a ~ 100a		490,000

HỘP CHO KHỎI ĐỘNG TỪ (Encloser)		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	530,000
MW-32aB/40aB	Steel dùng cho MC-32a, 40a	720,000
MW-50aB/65aB	Steel dùng cho MC-50a, 65a	930,000
MW-75aB~100aB	Steel dùng cho MC-75a~100a	960,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



ACB METASOL 3 Pha (loại FIXED)				ACB METASOL 3 POLES (DRAW OUT)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H	630A	65	45,000,000	AN-06D3-06A	600A	65	60,000,000
AN-08D3-08H	800A	65	49,000,000	AN-08D3-08A	800A	65	61,000,000
AN-10D3-10H	1000A	65	49,500,000	AN-10D3-10A	1000A	65	62,000,000
AN-13D3-13H	1250A	65	50,000,000	AN-13D3-13A	1250A	65	63,000,000
AN-16D3-16H	1600A	65	52,000,000	AN-16D3-16A	1600A	65	64,000,000
AS-20E3-20H	2000A	85	63,000,000	AS-20E3-20A	2000A	85	74,000,000
AS-25E3-25H	2500A	85	80,000,000	AS-25E3-25A	2500A	85	93,000,000
AS-32E3-32H	3200A	85	91,000,000	AS-32E3-32A	3200A	85	112,000,000
AS-40E3-40H	4000A	85	155,000,000	AS-40E3-40A	4000A	85	170,000,000
AS-40F3-40H	4000A	100	160,000,000	AS-40F3-40A	4000A	100	185,000,000
AS-50F3-50H	5000A	100	165,000,000	AS-50F3-50A	5000A	100	190,000,000
AS-63G3-63H	6300A	120	270,000,000	AS-63G3-63A	6300A	120	315,000,000
ACB METASOL 4 POLES (FIXED)				ACB METASOL 4 POLES (DRAW OUT)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H	630A	65	51,000,000	AN-06D4-06A	600A	65	62,000,000
AN-08D4-08H	800A	65	54,000,000	AN-08D4-08A	800A	65	64,000,000
AN-10D4-10H	1000A	65	56,000,000	AN-10D4-10A	1000A	65	67,000,000
AN-13D4-13H	1250A	65	60,500,000	AN-13D4-13A	1300A	65	69,000,000
AN-16D4-16H	1600A	65	61,000,000	AN-16D4-16A	1600A	65	70,000,000
AS-20E4-20H	2000A	85	73,500,000	AS-20E4-20A	2000A	85	88,000,000
AS-25E4-25H	2500A	85	95,000,000	AS-25E4-25A	2500A	85	105,000,000
AS-32E4-32H	3200A	85	112,000,000	AS-32E4-32A	3200A	85	130,000,000
AS-40E4-40H	4000A	85	186,000,000	AS-40E4-40A	4000A	85	212,000,000
AS-40F4-40H	4000A	100	192,000,000	AS-40F4-40A	4000A	100	265,000,000
AS-50F4-50H	5000A	100	197,000,000	AS-50F4-50A	5000A	100	300,000,000
AS-63G4-63H	6300A	120	350,000,000	AS-63G4-63A	6300A	120	375,000,000
PHỤ KIỆN ACB				PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp	UVT coil		2,265,000	Khóa liên động	2-way (dùng cho 2 ACB)		19,840,000
(UVT+UDC)	UDC:UVT Time Delay Controller		2,500,000	(Mechanical Interlock)	3-way (dùng cho 3 ACB)		39,680,000
Shunt Coil (cuộn mờ)	SHT for ACB		1,985,000	Tám chắn pha	IB for ACB 630A~6300A		450,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50KA-150KA, Ics=100% Icu							
Susol MCCB (APTOMAT loại 3 Pha)				Susol MCCB (APTOMAT loại 4 Pha)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
<i>FTU: loại không chỉnh dòng</i>				<i>FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units</i>			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63,80,100A	50	1,750,000	TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63,80,100A	50	2,450,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	2,250,000	TD160N FTU160 4P	125A	50	3,005,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	3,100,000	TD160N FTU160 4P	160A	50	4,130,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	1,920,000	TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,300,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	2,550,000	TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	3,290,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	3,300,000	TS160N FTU160 4P	160A	50	4,295,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	3,900,000	TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	5,140,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	5,100,000	TS250N FTU250 4P	250A	50	6,740,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	5,650,000	TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	7,550,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	10,600,000	TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	10,700,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	12,000,000	TS800N FTU800 4P	800A	65	12,500,000
<i>FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In</i>				<i>FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic</i>			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63,80,100A	50	1,860,000	TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63,80,100A	50	2,650,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	2,500,000	TD160N FMU160 4P	125A	50	3,335,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	3,200,000	TD160N FMU160 4P	160A	50	4,350,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,020,000	TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,500,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	2,650,000	TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	3,460,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	3,450,000	TS160N FMU160 4P	160A	50	4,520,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	4,100,000	TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	5,410,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	5,400,000	TS250N FMU250 4P	250A	50	7,090,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	5,990,000	TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	8,060,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	10,800,000	TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	12,300,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	12,800,000	TS800N FMU800 4P	800A	65	13,500,000
<i>ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)</i>				<i>ATU: Adjustable thermal: 0.8~1xIn, Adjustable magnetic: 5~10xIn</i>			
TS160N ATU160 3P	125A	50	2,800,000	TS160N ATU160 4P	125A	50	3,640,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	3,650,000	TS160N ATU160 4P	160A	50	4,760,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	4,400,000	TS250N ATU250 4P	200A	50	5,690,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	5,800,000	TS250N ATU250 4P	250A	50	7,460,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	6,400,000	TS400N ATU400 4P	400A	65	9,350,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	11,500,000	TS630N ATU630 4P	630A	65	13,250,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	13,200,000	TS800N ATU800 4P	800A	65	15,000,000
<i>ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện tử 13 bước từ 0.4->1 x In</i>				<i>ETS: Electronic trip units: chỉnh 13 bước từ 0.4->1 x In</i>			
TS100N ETS23 3P	80A	50	3,100,000	TS100N ETS23 4P	80A	50	3,960,000
TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	4,500,000	TS160N ETS23 4P	40, 80, 160A	50	5,865,000
TS250N ETS23 3P	250A	50	6,400,000	TS250N ETS23 4P	250A	50	7,700,000
TS400N ETS33 3P	400A	65	7,200,000	TS400N ETS33 4P	400A	65	9,550,000
TS630N ETS33 3P	630A	65	12,600,000	TS630N ETS33 4P	630A	65	14,350,000
TS800N ETS43 3P	800A	65	14,000,000	TS800N ETS43 4P	800A	65	15,500,000
<i>AG6: loại chỉnh dòng 7 bước từ 0.4->1 x In</i>				<i>Trip relay type AG6: chỉnh 7 bước từ 0.4->1 x In</i>			
TS1000N 3P	1000A	50	45,000,000	TS1000N 4P	1000A	50	47,000,000
TS1250N 3P	1250A	50	46,000,000	TS1250N 4P	1250A	50	50,000,000
TS1600N 3P	1600A	50	51,000,000	TS1600N 4P	1600A	50	56,000,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



KHOẢNG ĐỘNG TỪ 4 PHA AC (Metasol)			
Tên hàng	Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
MC-6a/4		6A	320,000
MC-9a/4		9A	350,000
MC-12a/4		12A	380,000
MC-18a/4		18A	510,000
MC-22a/4		22A	600,000
MC-32a/4		32A	860,000
MC-40a/4		40A	1,000,000
MC-50a/4		50A	1,550,000
MC-65a/4		65A	1,800,000
MC-75a/4		75A	2,300,000
MC-85a/4		85A	2,500,000
MC-100a/4	(2a2b)	100A	4,500,000
MC-130a/4	(2a2b)	130A	5,200,000
MC-150a/4	(2a2b)	150A	6,000,000
MC-185a/4	(2a2b)	185A	6,500,000
MC-225a/4	(2a2b)	225A	7,600,000
MC-265a/4	(2a2b)	265A	12,200,000
MC-330a/4	(2a2b)	330A	13,200,000
MC-400a/4	(2a2b)	400A	14,200,000
MC-500a/4	(2a2b)	500A	22,500,000
MC-630a/4	(2a2b)	630A	24,000,000
MC-800a/4	(2a2b)	800A	29,200,000

KHOẢNG ĐỘNG TỪ 3 PHA loại DC Coil (DC Volt)		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a (VDC)	6A (1a)	318,000
MC-9a (VDC)	9A (1a)	360,000
MC-12a (VDC)	12A (1a)	420,000
MC-18a (VDC)	18A (1a)	530,000
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	400,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	480,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	640,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	740,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	850,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	980,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	1,325,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	1,700,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	2,200,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	2,600,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	2,800,000
MC-130a (VDC)	130A (1a1b)	3,200,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	3,950,000

Digital Protection Relay		
Tên hàng	Protection Element	Giá bán
GIPAM-10CR	50/51, 50N/51N, 46, 79	10,300,000
GIPAM-10VO	27, 59, 47P, 64	10,300,000

Manual Motor Starter			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
MMS-32S	0.16A -> 10A		530,000
MMS-32S	13 -> 32A		585,000
MMS-32H	0.16A -> 10A		630,000
MMS-32H	13 -> 40A		680,000
MMS-32HI	0.16A -> 10A		690,000
MMS-32HI	13A -> 40A		690,000
MMS-63S	10A -> 40A		1,410,000
MMS-63S	50A-65A		1,440,000
MMS-63H	10A -> 40A		1,625,000
MMS-63H	50A-65A		1,780,000
MMS-63HI	10A -> 40A		1,400,000
MMS-63HI	50A-65A		1,440,000
MMS-100S	17A->75A		2,650,000
MMS-100S	90A-100A		3,000,000
MMS-100H	17A->75A		3,110,000
MMS-100H	90A-100A		3,450,000
MMS-100HI	17A->75A		2,710,000
MMS-100HI	90A-100A		2,750,000

RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GMP22-2S (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	630,000
GMP22-3S (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	910,000
GMP40-2S (1a1b)	4~20A, 8~40A	660,000
GMP40-3S (1a1b)	4~20A, 8~40A	930,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	560,000

RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
DMP06-S (2a1b)	0.5~6A	2,970,000
DMP06-SI (2a1b)	0.5~6A	3,090,000
DMP06-SE (2a1b)	0.5~6A	3,320,000
DMP06-SEI (2a1b)	0.5~6A	3,390,000
DMP06-SEZ (2a)	0.5~6A	3,470,000
DMP06-Sa (2a1b)	0.5~6A	3,270,000
DMP06-SZ (1a1b)	0.5~6A	3,470,000
DMP06-SZa (1a1b)	0.5~6A	3,730,000
DMP60-S (2a1b)	5~60A	2,970,000
DMP60-SI (2a1b)	5~60A	3,090,000
DMP60-SE (2a1b)	5~60A	3,320,000
DMP60-SEI (2a1b)	5~60A	3,390,000
DMP60-SEZ (2a)	5~60A	3,470,000
DMP60-Sa (2a1b)	5~60A	3,270,000
DMP60-SZ (1a1b)	5~60A	3,470,000
DMP60-SZa (1a1b)	5~60A	3,730,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2015)



POWER FUSE (Cầu chì Trung Thế)			
Tên hàng	In (A)	(KV)	Giá bán
LFL-3/6G-5B	5A	3.6 (7.2)KV	1,850,000
LFL-3/6G-10B	10A		1,850,000
LFL-3/6G-20B	20A		1,950,000
LFL-3/6G-30B	30A		1,950,000
LFL-3/6G-40B	40A		2,050,000
LFL-3/6G-50B	50A		2,050,000
LFL-3/6G-60B	63A		2,150,000
LFL-3/6G-75B	75A		2,250,000
LFL-3/6G-100B	100A	3.6KV	2,350,000
LFL-3/6G-125B	125A		2,600,000
LFL-3G-160B	160A	3.6KV	2,800,000
LFL-3G-200B	200A		3,300,000
LFL-6G-160B	160A	7.2KV	3,700,000
LFL-6G-200B	200A		4,600,000
LFL-20G-5B	5A	24KV	3,900,000
LFL-20G-10B	10A		3,950,000
LFL-20G-16B	16A		4,000,000
LFL-20G-20B	20A		4,100,000
LFL-20G-25B	25A		4,150,000
LFL-20G-30B	30A		4,200,000
LFL-20G-40B	40A		4,250,000
LFL-20G-50B	50A		4,300,000
LFL-20G-60B	60A		4,350,000
LFL-20G-75C	75A		4,400,000
LFL-20G-100C	100A		4,400,000
LFL-20G-125B	125A		4,450,000
LFL-20G-160B	160A		4,500,000
LFL-20G-200B	200A		4,800,000

VCB 24KV - Vacuum Circuit Breakers (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVB-20P-13D/06	630A	12.5kA	105,000,000
LVB-20P-13D/12	1250A	12.5kA	112,000,000
LVB-20P-25D/06	630A	25kA	130,000,000
LVB-20P-25D/12	1250A	25kA	140,000,000
LVB-20P-25D/20	2000A	25kA	145,000,000

VCB 24KV - Vacuum Circuit Breakers (loại E class Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVB-20E-13D/06	630A	12.5kA	125,000,000
LVB-20E-13D/12	1250A	12.5kA	145,000,000
LVB-20E-25D/06	630A	25kA	150,000,000
LVB-20E-25D/12	1250A	25kA	155,000,000
LVB-20E-25D/20	2000A	25kA	175,000,000

VCB 24KV - Vacuum Circuit Breakers (loại F class Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVB-20F-13D/06	630A	12.5kA	135,000,000
LVB-20F-13D/12	1250A	12.5kA	150,000,000
LVB-20F-25D/06	630A	25kA	160,000,000
LVB-20F-25D/12	1250A	25kA	165,000,000
LVB-20F-25D/20	2000A	25kA	191,000,000

VCB 24KV - Vacuum Circuit Breakers (loại G class Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVB-20G-13D/06	630A	12.5kA	170,000,000
LVB-20G-25D/06	630A	25kA	195,000,000
LVB-20G-25D/12	1250A	25kA	205,000,000
LVB-20G-25D/20	2000A	25kA	235,000,000

Vacuum Contactors 3.6KV (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVC-3Z-42ED	200A	4KA	28,500,000
LVC-3Z-42LD	200A	4KA	29,500,000
LVC-3Z-44ED	400A	4KA	28,500,000
LVC-3Z-44LD	400A	4KA	29,500,000

Vacuum Contactors 3.6KV (loại Drawout)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVC-3G-42ED	200A	4KA	53,800,000
LVC-3G-42LD	200A	4KA	54,800,000
LVC-3G-44ED	400A	4KA	53,800,000
LVC-3G-44LD	400A	4KA	54,800,000

Vacuum Contactors 7.2KV (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVC-6Z-42ED	200A	4KA	28,500,000
LVC-6Z-42LD	200A	4KA	29,500,000
LVC-6Z-44ED	400A	4KA	28,500,000
LVC-6Z-44LD	400A	4KA	29,500,000

Vacuum Contactors 7.2KV (loại Drawout)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVC-6G-42ED	200A	4KA	53,800,000
LVC-6G-42LD	200A	4KA	54,800,000
LVC-6G-44ED	400A	4KA	53,800,000
LVC-6G-44LD	400A	4KA	54,800,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)